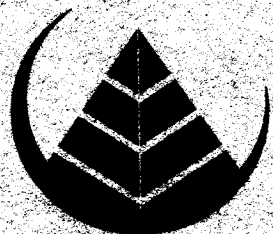


CÔNG TY CP PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ TỪ LIÊM
Tầng 2A, NO9B1, khu ĐTM Dịch Vọng, Cầu Giấy, Hà Nội
Mã số thuế : 0101533886
Mã chứng khoán : NTL
-----****-----



LIDECO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ II NĂM 2011



Hà Nội, Tháng 07/2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Ngày 30/06/2011

TÀI SẢN	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	3	4	5
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110 + 120 + 130 + 140 + 150)		1.706.486.832.384	1.741.104.378.419
I. Tiền		513.353.931.680	860.153.860.165
1. Tiền	V.01	25.486.353.356	795.283.126.832
2. Các khoản tương đương tiền		487.867.578.324	64.870.733.333
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	V.02	30.000.000.000	3.000.000.000
1. Đầu tư chứng khoán ngắn hạn		30.000.000.000	3.000.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn (*)			
III. Các khoản phải thu		244.969.891.280	163.487.609.454
1. Phải thu của khách hàng		22.995.600.231	60.735.931.143
2. Trả trước cho người bán		119.629.909.253	79.641.065.460
3. Phải thu nội bộ			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng			
5. Các khoản phải thu khác	V.03	102.344.381.796	23.110.612.851
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)			
IV. Hàng tồn kho		862.637.795.002	661.857.249.921
1. Hàng tồn kho	V.04	862.637.795.002	661.857.249.921
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)			
V. Tài sản ngắn hạn khác		55.525.214.422	52.605.658.879
1. Chi phí trả trước ngắn hạn			
2. Thuế GTGT được khấu trừ			
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.05		
4. Tài sản ngắn hạn khác		55.525.214.422	52.605.658.879
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 =210 + 220 + 240 + 250 +260)		101.473.537.379	116.631.552.883
I. Các khoản phải thu dài hạn			
1. Phải thu dài hạn của khác			
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc			
3. Phải thu dài hạn nội bộ			
4. Phải thu dài hạn khác	V.06		
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	V.07		
II. Tài sản cố định		21.031.096.800	22.719.812.254
1. Tài sản cố định hữu hình	V.08	20.540.346.784	22.212.812.240
- Nguyên giá		26.817.810.812	26.878.975.081
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(6.277.464.028)	(4.666.162.841)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	V.09		
- Nguyên giá			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)			
3. Tài sản cố định vô hình	V.10	490.750.016	507.000.014
- Nguyên giá		650.000.000	665.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(159.249.984)	(157.999.986)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.11		
III. Bất động sản đầu tư	V.12	4.379.306.404	4.622.601.202
- Nguyên giá		4.865.896.002	4.865.896.002
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(486.589.598)	(243.294.800)

VI. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		75.369.965.000	88.631.867.852
1. Đầu tư vào công ty con		34.059.000.000	34.059.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh			
3. Đầu tư dài hạn khác	V.13	76.735.537.832	55.177.867.852
4. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (*)		(35.424.572.832)	(605.000.000)
V. Tài sản dài hạn khác		693.169.175	657.271.575
1. Chi phí trả trước dài hạn		693.169.175	657.271.575
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	V.14		
3. Tài sản dài hạn khác	V.21		
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)		1.807.960.369.763	1.857.735.931.302

NGUỒN VỐN	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	3	4	5
A. Nợ phải trả (300 = 310 + 330)		874.222.820.675	933.915.787.409
I. Nợ ngắn hạn		823.973.212.307	887.731.179.041
1. Vay và nợ ngắn hạn	V.15		1.455.000.000
2. Phải trả cho người bán		29.285.067.532	41.668.218.276
3. Người mua trả tiền trước		641.138.883.659	372.105.696.775
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.16	30.593.180.903	260.316.133.573
5. Phải trả người lao động		514.843.577	2.907.138.410
6. Chi phí phải trả	V.17	25.822.256.413	38.646.979.264
7. Phải trả nội bộ			
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng			
9. Các khoản phải trả phải nộp khác	V.18	81.588.962.279	168.543.219.431
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn			
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi		15.030.017.944	2.088.793.312
II. Nợ dài hạn		50.249.608.368	46.184.608.368
1. Phải trả dài hạn người bán			
2. Phải trả dài hạn nội bộ			
3. Phải trả dài hạn khác	V.20		
4. Vay và nợ dài hạn			
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	V.21		
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		339.362.806	339.362.806
7. Dự phòng phải trả dài hạn			
8. Doanh thu chưa thực hiện		49.910.245.562	45.845.245.562
9. Quỹ phát triển khoa học công nghệ			
B. Vốn chủ sở hữu (400 = 410 + 430)		933.737.549.088	923.820.143.893
I. Vốn chủ sở hữu		933.737.549.088	923.820.143.893
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	V.22	636.000.000.000	328.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần		8.994.035.440	8.994.035.440
3. Vốn khác của chủ sở hữu			
4. Cổ phiếu quỹ (*)		(130.281.791.480)	(106.920.489.150)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái			
7. Quỹ đầu tư phát triển		10.000.000.000	5.000.000.000
8. Quỹ dự phòng tài chính		32.800.000.000	16.859.125.866
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu			
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		376.225.305.128	671.887.471.737
11. Nguồn vốn đầu tư XD cơ bản			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác			
1. Nguồn kinh phí	V.23		

2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440= 300 + 400)		1.807.960.369.763	1.857.735.931.302

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Th. minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài	V.24		
2. Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi			
4. Nợ khó đòi đã xử lý			
5. Ngoại tệ các loại		183,03	8.000,03
6. Dự toán chi hoạt động			

Ngày 25 tháng 7 năm 2011

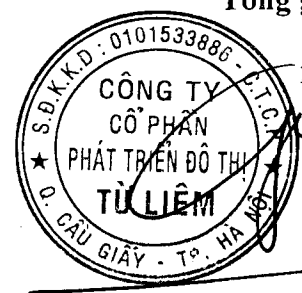
Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc

[Handwritten signature]

[Handwritten signature]



[Handwritten signature]

[Handwritten signature]

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý II năm 2011

Chỉ tiêu	Mã số	Th. minh	Quý này		Luỹ kế	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	86.410.461.707	457.456.660.417	153.068.248.112	484.700.681.959
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	03					
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	10		86.410.461.707	457.456.660.417	153.068.248.112	484.700.681.959
(10 = 01 - 03)						
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	55.466.254.838	147.110.350.258	80.250.436.626	171.386.936.368
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		30.944.206.869	310.346.310.159	72.817.811.486	313.313.745.591
(20 = 10 - 11)						
6. Doanh thu từ hoạt động tài chính	21	VI.26	28.696.493.085	16.639.515.713	39.930.254.468	27.005.319.416
7. Chi phí tài chính	22	VI.28	35.804.844.912	2.262.747.820	35.804.844.912	3.727.191.980
Trong đó: Chi phí lãi vay	23					18.287.500
8. Chi phí bán hàng	24					
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		4.885.244.126	5.804.777.412	8.883.855.617	10.493.341.105
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		18.950.610.916	318.918.300.640	68.059.365.425	326.098.531.922
(30 = 20 + (21-22) - (24 + 25))						
11. Thu nhập khác	31		597.714.879	301.102.855	1.705.763.065	301.398.518
12. Chi phí khác	32		5.302.630.989	1.087.904.693	5.302.630.989	1.876.454.693
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(4.704.916.110)	(786.801.838)	(3.596.867.924)	(1.575.056.175)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		14.245.694.806	318.131.498.802	64.462.497.501	324.523.475.747
(50 = 30 + 40)						
15. Chi phí thuế thu nhập hiện hành	51	VI.30	3.576.970.133	79.544.318.080	16.183.789.977	80.892.312.316
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.30				
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		10.668.724.673	238.587.180.722	48.278.707.524	243.631.163.431
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		325	7.274	1.472	7.397

Người lập biểu

Kế toán trưởng




 Ngày 25 tháng 07 năm 2011
 Tổng giám đốc



LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Theo phương pháp trực tiếp
Ngày 30 tháng 06 năm 2011

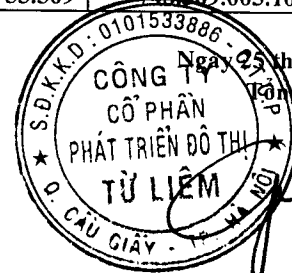
Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này		Năm trước
			Năm nay	Năm trước	
1	2	3	4	5	6
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh					
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1	...	323.036.677.737	676.428.485.948	1.399.391.918.431
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	2	...	(320.571.129.039)	(204.880.267.521)	(449.665.985.653)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3	...	(6.064.912.796)	(8.555.257.552)	(17.628.317.871)
4. Tiền chi trả lãi vay	4	...	(2.962.080)	(44.877.060)	(44.877.060)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	5	...	(227.196.375.139)	-	(146.047.202.493)
6. Tiền thu từ hoạt động kinh doanh	6	...	5.145.408.957.523	3.199.105.058.888	7.730.450.517.304
7. Tiền chi cho các hoạt động kinh doanh	7	...	(5.292.404.743.469)	(3.313.011.435.899)	(8.100.800.929.996)
Lưu chuyển thuần từ hoạt động kinh doanh	20	...	(377.794.487.263)	349.041.706.804	415.655.122.662
II. Lưu chuyển thuần từ hoạt động đầu tư		...	-	-	-
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác	21	...	-	(99.167.875)	(127.502.875)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và tài sản dài hạn	22	...	1.198.201.989	249.648.525	1.897.653.112
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	...	-	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	...	-	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	...	-	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	...	-	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	...	39.868.180.678	27.245.971.477	70.797.743.090
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	...	41.066.382.667	27.396.452.127	72.567.893.327
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		...	-	-	-
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	...	-	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu	32	...	-	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	...	-	-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	...	-	(1.900.000.000)	(1.900.000.000)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	...	-	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	...	-	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	...	-	(1.900.000.000)	(1.900.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	...	(336.728.104.596)	374.538.158.931	486.323.015.989
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	...	860.153.860.165	373.830.844.176	373.830.844.176
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	...	-	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	VII.34	523.425.755.569	748.369.003.107	860.153.860.165

Người lập biểu

[Signature]

Kế toán trưởng

[Signature]



Ngày 25 tháng 07 năm 2011
Kế toán trưởng

TỔNG GIÁM ĐỐC
[Signature]

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ TỪ LIÊM

Địa chỉ: Tầng 2A, No9B1, khu đô thị mới Dịch Vọng, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2011

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý II năm 2011

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Xây dựng, kinh doanh nhà
3. **Hoạt động kinh doanh chính trong năm** :
 - Xây dựng hạ tầng đô thị;
 - Tổ chức kinh doanh nhà;
 - Kinh doanh bất động sản;
 - Tổ chức kinh doanh dịch vụ chung cư.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.
3. **Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Cơ sở lập Báo cáo tài chính**
Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ TỪ LIÊM

Địa chỉ: Tầng 2A, No9B1, khu đô thị mới Dịch Vọng, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 25
Máy móc và thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3

6. Tài sản thuê hoạt động

Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí khi phát sinh hoặc phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê phù hợp với việc ghi nhận doanh thu cho thuê hoạt động.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ TỪ LIÊM

Địa chỉ: Tầng 2A, No9B1, khu đô thị mới Dịch Vọng, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

7. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư được công bố tại thuyết minh số IV.5.

8. Tài sản cố định vô hình

Phần mềm kế toán

Phần mềm kế toán là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm kế toán được khấu hao trong 3 năm.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng tại Hòa Bình, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao trong 20 năm.

9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

10. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

11. Chi phí trả trước dài hạn

Giá trị lợi thế thương mại

Là giá trị lợi thế khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ 10 năm.

Công cụ, dụng cụ

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ TỪ LIÊM

Địa chỉ: Tầng 2A, No9B1, khu đô thị mới Dịch Vọng, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

12. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

13. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

14. Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Các khoản lãi hoặc lỗ khi mua, bán cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

15. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ TỪ LIÊM

Địa chỉ: Tầng 2A, No9B1, khu đô thị mới Dịch Vọng, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

17. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

18. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu kinh doanh bất động sản

- Doanh thu bán lô đất đã xây dựng cơ sở hạ tầng

Doanh thu bán lô đất đã xây dựng cơ sở hạ tầng được ghi nhận khi đã hoàn thành cơ bản công tác xây dựng cơ sở hạ tầng và lô đất đã được bàn giao cho khách hàng.

- Doanh thu bán nhà chung cư

Công ty vận dụng Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 15 “Hợp đồng xây dựng” vào việc hạch toán doanh thu. Theo đó: Doanh thu thực hiện các dự án xây dựng, kinh doanh nhà ở và khu đô thị được ghi nhận theo phương pháp Tỷ lệ phần trăm (%) giữa chi phí thực tế đã phát sinh của phần công việc đã hoàn thành trong năm so với tổng chi phí dự toán đã được duyệt của công trình, dự án.

Doanh thu bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được trình bày ở thuyết minh số IV.6.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.

19. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ TỪ LIÊM

Địa chỉ: Tầng 2A, No9B1, khu đô thị mới Dịch Vọng, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	18.121.171.667	1.709.626.217
Tiền gửi Ngân hàng	7.365.181.689	793.573.500.615
Tiền đang chuyển	0	-
Các khoản tương đương tiền	487.867.578.324	64.870.733.333
- Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống	487.867.578.324	54.870.733.333
- Tiền cho vay ngắn hạn	0	10.000.000.000
Cộng	<u>513.353.931.680</u>	<u>860.153.860.165</u>

2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn		0		
Đầu tư ngắn hạn khác		30.000.000.000		3.000.000.000
- Cho Công ty Cổ phần Tân Thành Đạt. vay với lãi suất từ 12%/năm đến 14%/năm		0		3.000.000.000
- Tiền gửi ủy thác cho Công ty CP QL quỹ SME		<u>30.000.000.000</u>		
Cộng		<u>30.000.000.000</u>		<u>3.000.000.000</u>

3. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu về hoạt động kinh doanh bất động sản	19.805.472.299	45.927.158.299
Phải thu về hoạt động Xây lắp	3.190.127.932	8.219.045.427
Phải thu hoạt động khác	0	6.589.727.417
Cộng	<u>22.995.600.231</u>	<u>60.735.931.143</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ TỪ LIÊM

Địa chỉ: Tầng 2A, No9B1, khu đô thị mới Dịch Vọng, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

4. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước về hoạt động kinh doanh Bất động sản	118.336.381.511	51.462.768.475
Trả trước về hoạt động xây lắp	1.293.527.742	25.961.314.985
Trả trước về hoạt động khác	0	2.216.982.000
Cộng	<u>119.629.909.253</u>	<u>79.641.065.460</u>

5. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu BHXH, BHYT	170.671.487	60.992.655
Phải thu bảo hiểm thất nghiệp	0	4.035.585
Phải thu CBCNV về thuế TNCN	0	74.756.499
Phải thu phí bảo lãnh các chủ nhiệm công trình	0	573.602.358
Phải thu chi phí các chủ nhiệm công trình	40.998.349	
Tạm kê khai nộp thuế TNDN theo tỷ lệ 2% trên doanh thu thu tiền theo tiến độ của dự án	12.623.143.133	7.452.628.657
Tạm kê khai nộp thuế GTGT theo tiền thu theo tiến độ của dự án	55.207.330.113	
Phải thu tài sản bàn giao cho các Công ty Cổ phần Lideco 6	33.175.323.164	13.534.132.504
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn và tiền cho vay ngắn hạn	0	208.221.918
Công ty CP SUDICO (SJS)- Tiền đặt cọc	504.546.000	
Phụ cấp HĐQT, BKS tạm chi năm 2011	595.000.000	
Các khoản phải thu khác	27.369.550	1.202.242.675
Cộng	<u>102.344.381.796</u>	<u>23.110.612.851</u>

6. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Nguyên vật liệu tồn kho	24.125.687.500	42.244.196.891
Chi phí SXKD dở dang HĐ BĐS	802.298.138.067	584.150.895.200
Chi phí SXKD dở dang HĐ xây lắp	36.213.969.435	35.462.157.830
Cộng	<u>862.637.795.002</u>	<u>661.857.249.921</u>

7. Chi phí trả trước ngắn hạn

Là Công cụ dụng cụ xuất dùng trong năm.

8. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Tạm ứng	55.230.407.649	52.311.139.614
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	294.806.773	294.519.265
Cộng	<u>55.525.214.422</u>	<u>52.605.658.879</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ TỪ LIÊM

Địa chỉ: Tầng 2A, No9B1, khu đô thị mới Dịch Vọng, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

9. Bất động sản đầu tư

Là nhà Công ty sở hữu tại tòa nhà CT1 Xuân Đình.

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số dư đầu kỳ	4.865.896.002	243.294.800	4.622.601.202
Tăng trong kỳ			
Số cuối kỳ	4.865.896.002	486.589.598	4.379.306.404

10. Đầu tư vào công ty con

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty Cổ phần Lideco 1 ^(a)	637.500	6.375.000.000	637.500	6.375.000.000
Công ty Cổ phần Lideco 2 ^(b)	591.600	5.916.000.000	591.600	5.916.000.000
Công ty Cổ phần Lideco 3 ^(c)	1.366.800	13.668.000.000	1.366.800	13.668.000.000
Công ty Cổ phần Lideco 8 ^(d)	510.000	5.100.000.000	510.000	5.100.000.000
Công ty TNHH MTV Lideco Hòa Sơn ^(e)		3.000.000.000	-	3.000.000.000
Cộng		34.059.000.000		34.059.000.000

- (a) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103042136 ngày 12 tháng 11 năm 2009 do Sở Kế hoạch và đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Lideco 1 là 6.375.000.000 VND, tương đương 51% vốn điều lệ. Trong năm Công ty đã đầu tư 6.375.000.000 VND, tương đương 51% vốn điều lệ. Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2010 Công ty đã góp đủ vốn vào Công ty Cổ phần Lideco 1.
- (b) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 010490431 ngày 14 tháng 09 năm 2010 do Sở Kế hoạch và đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Lideco 2 là 5.916.000.000 VND, tương đương 51% vốn điều lệ. Trong năm Công ty đã đầu tư 5.916.000.000 VND, tương đương 51% vốn điều lệ. Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2010 Công ty đã góp đủ vốn vào Công ty Cổ phần Lideco 2.
- (c) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0104415496 ngày 04 tháng 02 năm 2010 do Sở Kế hoạch và đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Lideco 3 là 13.668.000.000 VND, tương đương 51% vốn điều lệ. Trong năm Công ty đã đầu tư 13.668.000.000 VND, tương đương 51% vốn điều lệ. Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2010 Công ty đã góp đủ vốn vào Công ty Cổ phần Lideco 3.
- (d) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0104596595 ngày 21 tháng 04 năm 2010 do Sở Kế hoạch và đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Lideco 8 là 5.100.000.000 VND, tương đương 51% vốn điều lệ. Trong năm Công ty đã đầu tư 5.100.000.000 VND, tương đương 51% vốn điều lệ. Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2010 Công ty đã góp đủ vốn vào Công ty Cổ phần Lideco 8.
- (e) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 5400351379 ngày 07 tháng 09 năm 2010 do Sở Kế hoạch và đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH MTV Lideco Hòa Sơn là 150.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Trong năm Công ty đã đầu tư 3.000.000.000 VND, tương đương 2% vốn điều lệ. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty TNHH MTV Lideco Hòa Sơn là 147.000.000.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ TỪ LIÊM

Địa chỉ: Tầng 2A, No9B1, khu đô thị mới Dịch Vọng, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

11. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư cổ phiếu		73.689.417.832		52.131.747.852
Công ty CP CK Sao Việt (SVS)	550.000	5.500.000.000	550.000	5.500.000.000
Công ty CP SUDICO (SJS)	846.300	45.649.437.852	846.300	45.649.437.852
Ngân hàng TMCP công thương VN (CTG)		0		982.310.000
Công ty CP XD Bạch Đằng (BHT)	649.000	22.539.979.980		
Đầu tư khác		3.046.120.000		3.046.120.000
Công ty CP PT nhà Tây Đô (DA Tây Đô)		3.046.120.000		3.046.120.000
Cộng		76.735.537.832		55.177.867.852

12. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty CP CK Sao Việt (SVS)	3.685.000.000	605.000.000
Công ty CP SUDICO (SJS)	18.999.492.852	
Công ty CP XD Bạch Đằng (BHT)	12.740.079.980	
Cộng	35.424.572.832	605.000.000

13. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Giá trị lợi thế thương mại khi xác định giá trị doanh nghiệp	255.324.800	296.787.200
Chi phí bảo trì tòa nhà N09B1	350.000.000	350.000.000
Chi phí dụng cụ chờ phân bổ	87.844.375	10.484.375
Chi phí sửa chữa văn phòng	0	
Cộng	693.169.175	657.271.575

14. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngắn hạn Ngân hàng	-	0
Vay các tổ chức, cá nhân khác		1.455.000.000
Cộng		1.455.000.000

15. Phải trả người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nhà cung cấp HĐ Bất động sản	19.981.835.243	36.266.564.261
Nhà cung cấp HĐ Xây lắp	9.303.232.289	
Nhà cung cấp HĐ khác	0	5.401.654.015
Cộng	29.285.067.532	41.668.218.276

